

Hà nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2020**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2019**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
A	B	C	1
I	Giá trị SXCN Theo giá thực tế	Triệu đồng	
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468	"	34.617.481
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468	"	8.581.427
II	Tổng doanh thu	"	
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468	"	37.058.842
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468	"	8.265.700
III	Lợi nhuận trước thuế	"	
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468	"	1.524.604
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468	"	-1.739.573
IV	Sản phẩm sản xuất	Tấn	
1	Phân supe lân	"	571.000
2	Phân lân nung chảy	"	363.520
3	Phân DAP	"	392.501
4	Phân đạm Urê	"	676.161
5	Phân NPK	"	1.458.995
6	Apatit các loại	"	2.215.000
7	Thuốc sát trùng	"	11.251
8	Xút NaOH th. phẩm	"	78.540
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	118.000
10	HCL thương phẩm	"	140.200
11	Lốp ô tô các loại	chiếc	3.341.000
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	6.670
13	Ắc qui các loại	kwh	2.106.566
14	Chất tẩy rửa	Tấn	388.126
V	Sản phẩm tiêu thụ		
1	Phân supe lân	Tấn	404.700
2	Phân lân nung chảy	"	228.382
3	Phân DAP	"	324.281

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
A	B	C	1
4	Phân đạm Urê	"	680.019
5	Phân NPK	"	1.447.283
6	Apatit các loại	"	1.690.000
7	Thuốc sát trùng	"	8.419
8	Xút NaOH th. phẩm	"	78.540
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	118.000
10	HCl thương phẩm	"	140.200
11	Lốp ô tô các loại	Chiếc	3.184.148
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	5.449
13	Ắc qui các loại	kwh	2.188.167
14	Chất tẩy rửa	Tấn	279.552
VI	Xuất nhập khẩu		699.420
	Nhập khẩu	Ngh.USD	351.387
	Xuất khẩu	"	348.033
VII	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	936
VIII	Thuế & khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	1.448

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

1. Về sản xuất kinh doanh

1.1 Các đơn vị không thuộc Đề án 1468

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) 34.226 tỷ đồng, giảm 1% so với ước thực hiện năm 2019;

- Tổng doanh thu: 36.165 tỷ đồng, giảm 2,4% so với ước thực hiện năm 2019;

- Lợi nhuận: 1.702 tỷ đồng, tăng 178 tỷ đồng so với ước thực hiện 2019;

1.2 Các đơn vị thuộc Đề án 1468

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) 9.886 tỷ đồng, tăng 15% so với ước thực hiện năm 2019;

- Tổng doanh thu: 9.817 tỷ đồng, tăng 19% so với ước thực hiện năm 2019;

- Lợi nhuận: -2.576 tỷ đồng, tăng lỗ 837 tỷ đồng so với ước thực hiện 2019;

- Nộp ngân sách toàn Tập đoàn: Theo quy định;

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn Tập đoàn đạt 490.595 triệu USD. Trong đó: nhập khẩu 286.595 triệu USD, xuất khẩu 204.000 triệu USD;

2. Tổng giá trị đầu tư xây dựng toàn Tập đoàn 507 tỷ đồng;

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2020, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp theo các nhóm sau:

1. Giải pháp triển khai thực hiện về công tác tái cơ cấu, thoái vốn, Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn và các đơn vị thành viên

Hội đồng thành viên Tập đoàn chỉ đạo các đơn vị thành viên của Tập đoàn tập trung triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Tập đoàn giai đoạn 2017 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

1.1. Kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên để chủ động chỉ đạo thực hiện sâu sát, kịp thời;

1.2. Khẩn trương triển khai thực hiện cổ phần hóa khi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước và Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam và Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam và ban hành các quyết định về cổ phần hóa;

1.3. Tiếp tục làm việc, phối hợp với các đơn vị tư vấn và Sở giao dịch chứng khoán để thực hiện Phương án chuyển nhượng và tổ chức bán đấu giá phần vốn của Tập đoàn tại các Công ty Cổ phần;

1.4. Khẩn trương làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn, chỉ đạo về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn của Tập đoàn và giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn của Tập đoàn tại các đơn vị thành viên.

1.5. Kịp thời báo cáo, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trong trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện đề án tái cơ cấu.

2. Giải pháp đối với các đơn vị gặp khó khăn, thua lỗ, kém hiệu quả thuộc Tập đoàn

2.1. Công ty Mẹ-Tập đoàn

- Hội đồng Thành viên chỉ đạo/định hướng để Ban Tổng giám đốc, các Ban chức năng của Tập đoàn đẩy mạnh và tăng cường vai trò quản lý/điều hành đối với các dự án/doanh nghiệp, cụ thể:

+ Chỉ đạo và phối hợp với các dự án/doanh nghiệp đẩy mạnh xây dựng và triển khai các giải pháp thiết thực, hiệu quả trong các mặt hoạt động/công tác nhằm đảm bảo khả năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát và đôn đốc các dự án/doanh nghiệp triển khai thực hiện một cách quyết liệt/triệt để các giải pháp, kế hoạch nhằm hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

+ Kiên trì báo cáo, đề xuất, Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ như giải pháp về các khoản vay

ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, các ngân hàng thương mại, giải pháp điều chỉnh mức khấu hao cho các đơn vị.

2.2. Các dự án/doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả thuộc Tập đoàn

- Tập trung công tác quản trị điều hành một cách tích cực hơn để giảm lỗ tại Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem;

- Giám sát và kiểm tra đặc biệt đối với các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ. Yêu cầu các đơn vị triển khai đồng bộ các giải pháp nêu tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo khác liên quan, đồng thời chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể để sớm giải quyết dứt điểm tình trạng thua lỗ kéo dài;

- Chủ động xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp sản xuất kinh doanh, như: quản trị mua vật tư nguyên liệu, quản trị sản xuất, bán hàng... đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí đáp ứng yêu cầu đặt ra của kế hoạch năm 2020.

3. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành sản xuất, phát triển sản phẩm, thị trường

3.1. Quản trị sản xuất

- Tiếp tục chỉ đạo một cách quyết liệt các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm định mức tiêu hao, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, xác định là mục tiêu trọng tâm; Tập trung rà soát, đánh giá toàn diện nhu cầu thị trường, khả năng sản xuất và lợi thế của đơn vị để xác định chiến lược sản phẩm; cơ cấu lại sản xuất, sản phẩm theo mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Từ đó bố trí các nguồn lực hợp lý, hiệu quả.

- Xây dựng, cập nhật, ban hành các quy chế/quy định quản trị của Tập đoàn liên quan tới quản trị sản xuất (quy chế sửa chữa lớn, quy định về quản lý định mức tiêu hao; quy định về vệ sinh-an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quy chế bảo vệ môi trường...) làm cơ sở thực hiện, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh hiệu quả, an toàn, thân thiện môi trường;

3.2. Quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

- Thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại, kiện toàn hệ thống nhân sự hiện có; hoàn thiện công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực kế cận về quản lý và cán bộ kỹ thuật có trình độ cao;

- Tăng cường trách nhiệm của Người đại diện, qua đó duy trì được hiệu quả và hiệu lực quản lý, điều hành của Công ty mẹ - Tập đoàn đối với các công ty thành viên của Tập đoàn;

3.3. Kiểm tra giám sát

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát nội bộ, trọng tâm là công tác kiểm soát về quản lý chi phí, mua vật tư và bán sản phẩm, định

mức tiêu hao, lao động.... Gắn chặt trách nhiệm và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh đối với những người đại diện vốn tại các đơn vị;

- Thành lập các đoàn công tác chuyên đề triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được phê duyệt, thực hiện các nội dung liên quan theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương”, chú trọng về các nội dung: quản lý chi phí (mua bán vật tư, tiêu thụ sản phẩm); xây dựng và thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, sửa chữa lớn; lao động tiền lương.

3.4. Giải pháp tiết giảm chi phí

- Thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng nhằm giảm giá thành sản xuất. Trong đó tập trung giảm định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và năng lượng, tiết kiệm chi phí sửa chữa;

- Trên cơ sở định mức được phê duyệt hàng năm, thường xuyên rà soát đánh giá kết quả/mức độ thực hiện, kịp thời chấn chỉnh và đề ra các giải pháp khắc phục bổ sung, điều chỉnh đối với các chỉ tiêu vượt định mức không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản trị định mức;

- Các đơn vị trong Tập đoàn tiếp tục triển khai việc lập và thực hiện phương án, giải pháp tiết kiệm, bao gồm tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất, vật tư sửa chữa, văn phòng phẩm;

- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến, hợp lý hóa, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

3.5. Giải pháp đối với các nhóm ngành gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh: nhóm sản phẩm phân bón, nhóm sản phẩm cao su:

Tập đoàn cần có những giải pháp cụ thể đối với từng nhóm ngành như sau:

- Đối với nhóm ngành Phân bón:

+ Tập trung giải quyết những bất hợp lý trong cơ cấu lao động, cơ cấu sản phẩm, giá thành và giá bán sản phẩm;

+ Cơ cấu lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở khả năng sản xuất và tiêu thụ, chỉ tổ chức sản xuất chủng loại sản phẩm có hiệu quả;

+ Đẩy mạnh công tác bán hàng - thu nợ, bám sát diễn biến của thị trường để có những dự báo kịp thời nhằm ứng phó với sự biến động của thị trường;

+ Đẩy mạnh xuất khẩu phân bón vào các thị trường truyền thống, tiếp tục khai thác thị trường xuất khẩu mới, có tiềm năng để tăng sản lượng tiêu thụ;

+ Triển khai thực hiện Quy chế mua sắm nội bộ trong Tập đoàn, tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất phân bón như DAP, urê, NH₃ đẩy mạnh sản phẩm tiêu thụ nội bộ

- Đối với nhóm ngành Cao su:

+ Tăng cường việc cải tiến và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm sử dụng vật tư thay thế giá rẻ nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm

+ Hoàn chỉnh hệ thống bán hàng, cơ cấu, sắp xếp lại nhân sự, củng cố mạng lưới nhà phân phối hiện tại song song với việc mở rộng kênh bán hàng.

+ Tập trung cao các giải pháp marketing, nâng cao vị thế thương hiệu trong và ngoài nước.

+ Nghiên cứu và áp dụng mô hình bán hàng mới phù hợp hơn và hiệu quả hơn. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các Nhà phân phối nhằm tăng sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm truyền thống.

4. Giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tập đoàn chủ động bám sát chỉ đạo của Chính phủ, của Ủy ban và Bộ ngành, trên cơ sở tình hình thực tế để có các giải pháp ứng phó kịp thời đối với diễn biến phức tạp của dịch Covid - 19 để ổn định sản xuất:

+ Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch tại nơi làm việc, nhà xưởng theo đúng khuyến cáo của cơ quan y tế để hạn chế tối đa khả năng nhiễm virus Covid-19 của cán bộ công nhân viên dẫn đến việc phải cách ly và dừng sản xuất;

+ Chủ động tìm nguồn hàng thay thế trong nước hoặc các nước không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đảm bảo đủ nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài;

+ Chủ động tái cơ cấu sản xuất, hoạt động sản xuất theo tín hiệu của thị trường, liên kết chặt chẽ với hệ thống phân phối trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, chuẩn bị phương án sản phẩm mới.

+ Tập trung rà soát, đánh giá toàn diện nhu cầu thị trường, khả năng sản xuất và lợi thế của đơn vị để xác định chiến lược sản phẩm; cơ cấu lại sản xuất, sản phẩm theo mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Từ đó bố trí các nguồn lực hợp lý, hiệu quả.

+ Các đơn vị chuyên ngành Hóa chất cơ bản, Chất tẩy rửa, Thuốc sát trùng khẩn trương nghiên cứu, tổ chức sản xuất các sản phẩm phục vụ cho phòng, chống dịch bệnh;

5. Nhóm giải pháp xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch, chiến lược SXKD 5 năm

- Hội đồng thành viên Tập đoàn chỉ đạo ban Tổng Giám đốc và các Ban chuyên môn tập trung hoàn thiện báo cáo xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 phù hợp với quy hoạch, chiến lược của ngành và gắn với kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 16/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01

năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tế của Tập đoàn;

- Kịp thời báo cáo và xin ý kiến cấp có thẩm quyền những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 để trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp nghiên cứu, có ý kiến chỉ đạo trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

6. Giải pháp về đề xuất điều chỉnh các quy định của pháp luật

Hội đồng thành viên Tập đoàn chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các Ban chuyên môn Tập đoàn tích cực làm việc với các cơ quan liên quan:

- Chủ động đề xuất, báo cáo các cơ quan liên quan thuộc Chính phủ nhằm đẩy nhanh việc trình Quốc hội sửa đổi Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan theo hướng đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất là 0% - 5%.

- Tiếp tục trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến nhằm giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón góp phần tạo điều kiện thuận lợi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất của các doanh nghiệp.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các nội dung sửa đổi, bổ sung tại các quy định của pháp luật hiện hành nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc mà Tập đoàn đang phải xử lý.

7. Giải pháp về đảm bảo quyền lợi của người lao động và công tác An sinh Xã hội của Tập đoàn

7.1. Tăng cường Quản lý người đại diện, phát huy tính chủ động của người đại diện trong tổ chức điều hành doanh nghiệp của Tập đoàn

- Rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý đối với người đại diện, để tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của Người đại diện, qua đó duy trì được hiệu quả và hiệu lực quản lý, phát huy quyền điều hành của Công ty mẹ đối với các công ty thành viên của Tập đoàn;

- Tập đoàn chủ động trong việc chỉ đạo lãnh đạo các đơn vị (người đại diện), tổ chức gắn kết các đơn vị trong Tập đoàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng sản phẩm nội bộ để cùng tăng hiệu quả;

- Thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại, kiện toàn hệ thống nhân sự quản lý hiện có; tăng cường công tác đào tạo, bằng nhiều hình thức phù hợp để nâng cao trình độ đội ngũ quản lý;

- Có khen thưởng và kỷ luật phù hợp, kịp thời đối với người đại diện, người quản lý;

7.2. Đối với người lao động:

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động; kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của người lao động tại các đơn vị;

- Chủ động xây dựng các phương án bố trí sử dụng lao động hợp lý, tiết kiệm lao động, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quản lý, cải tiến thiết bị để giảm lao động gián tiếp phục vụ nâng cao năng suất lao động;

- Có giải pháp về tiền lương, thu nhập đối với các đơn vị tích cực sản xuất kinh doanh, hiệu quả để động viên người lao động;

- Có giải pháp về lương, thu nhập và lợi ích khác để giữ được người lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật, có tay nghề trong điều kiện kế hoạch sản xuất thay đổi, nhất là các đơn vị đóng trên các địa bàn có dự biến động, dịch chuyển lao động cao;

- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, phát động các phong trào thi đua sản xuất, các hoạt động đoàn thể tạo không khí tin tưởng, vui tươi để tăng năng suất lao động, gắn bó với Công ty, doanh nghiệp.

- Thực hiện tổng rà soát, đánh giá phân loại để thực hiện công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nhân lực phù hợp; xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực trong toàn Tập đoàn, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ cao phục vụ trực tiếp cho sản xuất.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tập đoàn;
- Tổng giám đốc (e-copy);
- Lưu, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Quang Hiệp

Phụ lục
BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
A	B	C	1
I	Giá trị SXCN Theo giá thực tế		
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468		34.226.600
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468 (Công ty CP: DAP-Vinachem; DAP số 2 Vinachem; Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc; Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình)		9.886.600
II	Tổng Doanh thu	"	
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468		36.165.700
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468		9.817.800
III	Lợi nhuận trước thuế		
1	Các đơn vị không thuộc đề án 1468		1.702.632
2	Các đơn vị thuộc đề án 1468		-2.576.400
IV	Sản phẩm sản xuất	Tấn	
1	Phân supe lân	"	613.000
2	Phân lân nung chảy	"	392.500
3	Phân DAP	"	480.000
4	Phân đạm Urê	"	736.114
5	Phân NPK	"	1.470.405
6	Apatit các loại	"	1.880.000
7	Thuốc sát trùng	"	9.021
8	Xút NaOH th. phẩm	"	73.010
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	122.000
10	HCL thương phẩm	"	144.000
11	Lốp ô tô các loại	chiếc	3.508.000
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	5.970
13	Ắc qui các loại	kwh	2.352.890
14	Chất tẩy rửa	Tấn	279.552
V	Sản phẩm tiêu thụ		
1	Phân supe lân	Tấn	424.000
2	Phân lân nung chảy	"	375.000
3	Phân DAP	"	480.000
4	Phân đạm Urê	"	733.000
5	Phân NPK	"	1.442.581
6	Apatit các loại	"	1.780.000
7	Thuốc sát trùng	"	7.616
8	Xút NaOH th. phẩm	"	73.010
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	146.000
10	HCL thương phẩm	"	120.000
11	Lốp ô tô các loại	Chiếc	3.508.000
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	5.970
13	Ắc qui các loại	kwh	2.327.940
14	Chất tẩy rửa	Tấn	279.552
VI	Xuất nhập khẩu		
	Nhập khẩu	Ngh.USD	286.595
	Xuất khẩu	"	204.000
VII	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	507
VIII	Thuế & khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	Theo quy định